

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 – TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2025/HNGĐ

Ngày: 30/9/2025

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Phương Thảo

2. Ông Mai Trần Phúc .

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phở - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Nguyễn Quỳnh Như - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2025, về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2025/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị **Lộ Thị Mỹ N**, sinh năm 1990, địa chỉ: khu phố T, phường B, tỉnh Tây Ninh (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- Bị đơn: anh **Phạm Quốc C**, sinh năm 1987, địa chỉ: khu phố T, phường B, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – chị **Lộ Thị Mỹ N** trình bày:*

Chị và anh **Phạm Quốc C** chung sống với nhau năm 2012, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn lại vào năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố T (nay là phường B, tỉnh Tây Ninh). Do vợ chồng không hòa hợp, bất đồng ý kiến, từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi nhau. Quá trình sống chung chị và anh C có 01 con chung là cháu **Phạm Ngọc Khánh B**, sinh ngày 06/5/2013. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 01/2025 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn nên nay chị

yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Quốc C.

Về con chung: chị và anh C sống chung có 01 con chung Phạm Ngọc Khánh B, sinh ngày 06/5/2013. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: chị và anh C tự thỏa thuận với nhau và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án anh C không đến Tòa án nên không có lời khai, lời trình bày.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt nên không có lời khai, lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; đề nghị Hội đồng xét xử.

Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lộ Thị Mỹ N đối với anh Phạm Quốc C.

Giao con chung là cháu Phạm Ngọc Khánh B, sinh ngày 06/5/2013 cho chị N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, sau khi chị N và anh C ly hôn. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung, chia tài sản khi ly hôn, nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: anh Phạm Quốc C hiện có hộ khẩu thường trú và có nơi cư trú tại khu phố T, phường B, tỉnh Tây Ninh. Do đó, căn cứ khoản 4 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - tỉnh Tây Ninh. Chị N vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và anh C đã được tổng đạt các văn bản tố tụng, giấy triệu tập hợp lệ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều

227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị N, anh C

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị N, anh C chung sống vào năm 2012, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thành phố T (nay là phường B, tỉnh Tây Ninh) vào năm 2012, nên hôn nhân của chị N, anh C là hôn nhân hợp pháp từ năm 2012 và được pháp luật bảo vệ. Chị N cho rằng trong quá trình sống chung chị và anh C thường xuyên mâu thuẫn do tính tình không hợp. Chị và anh C ly thân từ tháng 1/2025 cho đến nay.

Nay chị N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh C.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập anh C đến Tòa án để tham gia hòa giải tại Tòa án nhưng anh C không đến. Anh C không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không có khả năng hàn gắn. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh C.

[3] Về con chung: chị N sống chung với anh C có 01 con chung là cháu Phạm Ngọc Khánh B, sinh ngày 06/5/2013. Quá trình chị N và anh C ly thân từ tháng 1/2025 cho đến nay, cháu B sống chung với chị N, cháu N được phát triển bình thường về thể chất và tinh thần. Xét về nguyện vọng và điều kiện nuôi con của chị N, thấy rằng chị N đủ điều kiện để nuôi con, để đảm bảo sự phát triển toàn diện của trẻ em. Do vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu B của chị N

[4] Về tài sản chung, nợ chung: chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: chị N phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 147, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lộ Thị Mỹ N đối với anh Phạm Quốc C.

Chị Lộ Thị Mỹ N được ly hôn với anh Phạm Quốc C.

2. Về con chung: giao con chung cháu Phạm Ngọc Khánh B, sinh ngày 06/5/2013 cho chị N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu

B thành niên và đủ khả năng lao động. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: chị N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm N đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000738 ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận chị N đã nộp xong án phí sơ thẩm.

5. Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 10;
- CTHADS tỉnh Tây Ninh;
- UBND phường Bình Minh;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Ngân

lệ.